

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 3 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL1 - TỈNH HN1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Duyên;
2. Ông Nguyễn Thế Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL1 - tỉnh HN1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL1, tỉnh HN1 tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL1, tỉnh HN1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T1 - sinh năm 1977;

Nơi ĐKKHKT: Thôn K1, xã TN1, huyện TL1, tỉnh HN1.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị T2 - sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: Thôn K1, xã TN1, huyện TL1, tỉnh HN1; nơi cư trú cuối cùng: Thôn Phú Gia, xã Thanh Nguyên, huyện TL1, tỉnh HN1.

Phiên tòa có mặt: Anh T1; vắng mặt chị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Văn T1 trình bày:

Anh và chị Đinh Thị T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, đến ngày 02/4/2003 anh chị mới đến Ủy ban nhân dân xã TN1, huyện TL1 làm

thủ tục đăng ký kết hôn, việc anh chị kết hôn do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn K1, xã TN1, huyện TL1, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có với nhau 03 con chung. Năm 2005 chị T2 đi lao động ở nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2010 chị T2 trở về địa phương sinh sống nhưng vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp và do chị T2 đi lao động ở nước ngoài có quan hệ bất chính với một người đàn ông khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2014 chị T2 bế theo cháu Lê VA, sinh năm 2012 đi đâu, làm gì anh không biết, từ đó đến nay vợ chồng không có liên lạc gì với nhau. Tháng 10/2017 chị T2 đã bị Tòa án nhân dân huyện TL1, tỉnh HN1 tuyên bố mất tích. Nay anh xác định chị T2 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, thời gian sống ly thân quá dài, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị T2 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là cháu Lê Thị L1 - sinh ngày 26/8/1998, cháu Lê Thị H1 - sinh ngày 17/7/2001, cháu Lê VA - sinh ngày 21/3/2012. Hiện tại cháu L1 và cháu H1 do anh đang nuôi dưỡng, còn cháu VA chị T2 bế theo từ khi bỏ đi khỏi địa phương. Nếu phải ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị H1, còn cháu VA chị T2 bế theo thì chị T2 phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, đối với cháu Lê Thị L1 đã trưởng thành, nên không đặt ra việc nuôi dưỡng cháu sau ly hôn. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn T1 giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị T2 và giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lê Văn T1 đối với bị đơn là chị Đinh Thị T2. Về án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Văn T1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là chị Đinh Thị T2 có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: Huyện TL1, tỉnh HN1, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL1.

Tòa án triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa anh Lê Văn T1 và chị Đinh Thị T2 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T2 bế theo cháu VA bỏ địa phương đi từ năm 2012 và đã bị Tòa án nhân dân huyện TL1, tỉnh HN1 tuyên bố mất tích từ tháng 10/2017, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chị T2 không có mặt ở địa phương. Tại phiên tòa anh T1 kiên quyết xin ly hôn chị Đinh Thị T2.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1 và chị T2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc xin ly hôn của anh Thanh là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T1 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn T1 và chị Đinh Thị T2 có 03 con chung là cháu Lê Thị L1 - sinh ngày 26/8/1998, cháu Lê Thị H1 - sinh ngày 17/7/2001, cháu Lê VA - sinh ngày 21/3/2012. Đối với cháu Lê Thị L1, đến thời điểm xét xử vụ án cháu đã trên 18 tuổi, trưởng thành lao động và tự lập được cuộc sống, nên không xem xét việc nuôi dưỡng cháu khi anh T1, chị T2 ly hôn.

Đối với cháu Lê Thị H1, hiện tại cháu đang được anh T1 nuôi dưỡng, anh T1 đề nghị được nuôi con và nguyện vọng của cháu H1 cũng xin được ở với bố. Hiện tại anh T1 cũng có nghề nghiệp, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy nên tiếp tục giao cháu H1 cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Lê VA - sinh ngày 21/3/2012 chị T2 đã bế cháu đi khỏi địa phương từ năm 2012 nên nay không có tin tức gì, nguyên đơn cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Lê Văn T1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL1 đã nêu về tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn T1 và chị Đinh Thị T2.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị H1 - sinh ngày 17/7/2001 cho anh Lê Văn T1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL1 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04287 ngày 14/12/2017.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HN1;
- VKSND huyện TL1;
- Chi cục THADS huyện TL1;
- UBND xã TN1;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy